

Số: **15**/BC-SYT

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018,
phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Ngành Y tế.**

Phần 1

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2018

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2018, Ngành Y tế Bình Định đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao, gồm: **i)** Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 88,7% (*kế hoạch: 88,5%*); **ii)** Mức giảm tỷ suất sinh: 0,1‰ (*kế hoạch: 0,1‰*); **iii)** Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ: 100% (*kế hoạch: 100%*); **iv)** Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế: 98,1% (*kế hoạch: 97,5%*); **v)** Số giường bệnh trên vạn dân: 30,2 giường (*kế hoạch: 30,0*); **vi)** Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 9,7% (*kế hoạch: < 10%*). Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác của Ngành như sau:

I. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ Y TẾ

1. Chỉ đạo điều hành và cải cách hành chính

- Kịp thời phổ biến, quán triệt, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiêm túc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành một số văn bản quan trọng về lĩnh vực y tế - dân số - sức khỏe, mang tính định hướng chiến lược phát triển Ngành Y tế trong thời gian tới như:

+ Kế hoạch số 33-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

+ Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 16/5/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

+ Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Quyết định số 3825/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế nghiêm túc thực hiện dân chủ trong các hoạt động; tăng cường triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ

tướng Chính phủ, đẩy mạnh việc xây dựng và cải tiến các quy trình chuyên môn và bố trí nhân lực phù hợp nhằm rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

- Sở Y tế kiểm tra một số đơn vị trực thuộc về các mặt hoạt động: cải cách thủ tục hành chính; phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; quy tắc ứng xử; trang phục y tế; quy trình, chất lượng khám bệnh, chữa bệnh; các điều kiện phục vụ người bệnh; khắc phục quá tải bệnh nhân; quản lý, sử dụng trang thiết bị; dinh dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn; bảo vệ môi trường và xử lý chất thải;...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, khám chữa bệnh, dự phòng, quản lý sức khỏe điện tử công dân,...; đi đôi với cải tiến phương thức làm việc theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công vụ. Triển khai quản lý chứng thư số và sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số trên hệ thống văn phòng điện tử liên thông để nhận, gửi và xử lý văn bản trong toàn Ngành.

- Công bố công khai và tuân thủ thực hiện nghiêm túc các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Y tế theo quy định pháp luật; đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ công mức độ 3 và 4. Tăng cường sử dụng dịch vụ bưu chính trong việc giao trả kết quả các thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

2. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

- Căn cứ Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Tỉnh ủy và Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh, Ngành Y tế đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; gồm có:

- + Thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Phòng chống sốt rét và các bệnh nội tiết trực thuộc Sở Y tế (theo Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh).

- + Sáp nhập Trung tâm Da liễu vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh, tổ chức lại thành Khoa Da liễu thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh (theo Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND tỉnh).

- + Sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình vào Trung tâm Y tế cấp huyện và tổ chức lại thành Phòng Dân số thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện (theo Quyết định số 4076/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh).

- + Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phú Phong và Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn (theo Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh).

- + Hợp nhất Bệnh viện Y học cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng thành Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, trực thuộc Sở Y tế (theo Quyết định số 4380/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh).

- Thành lập “khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản” trên cơ sở tổ chức lại Đội SKBMTE/KHHGD và “khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm” trên cơ sở tổ chức lại Đội Y tế dự phòng tại các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế).

- Thành lập mới Phòng Công tác xã hội thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Khoa Mắt trẻ em thuộc Bệnh viện Mắt.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định công tác bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các cơ sở y tế trực thuộc theo thẩm quyền được giao; đặc biệt là trong quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

3. Đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường thực hiện nghiêm túc Thông tư số 07/2014/TT-BYT của Bộ Y tế về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế; Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 của Bộ Y tế về đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Ban hành Kế hoạch số 47/KH-SYT ngày 24/9/2018 và phối hợp với Công đoàn Ngành triển khai các hoạt động chuẩn bị tổ chức Hội thi tuyên truyền “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” gắn với xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp” trong Ngành Y tế.

- Duy trì hoạt động “đường dây điện thoại nóng”, “hòm thư góp ý” để tiếp nhận và giải quyết kịp thời những vướng mắc, kiến nghị của người dân về cung ứng dịch vụ y tế, phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế; kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm, có hành vi tiêu cực. 100% cơ sở y tế có hoạt động khám chữa bệnh đã thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng tại khoa Khám bệnh, thực hiện đúng quy định về trang phục y tế.

- Tinh thần trách nhiệm, đạo đức, phong cách và thái độ phục vụ của viên chức, nhân viên y tế có nhiều chuyển biến tích cực, văn minh và thân thiện hơn với người bệnh; góp phần nâng cao mức độ hài lòng, tin tưởng của người bệnh và nhân dân đối với Ngành Y tế.

4. Thanh tra chuyên ngành và tiếp nhận, xử lý đơn thư

- Tổ chức thanh tra 269 lượt cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, kinh doanh thuốc, sản xuất chế biến và kinh doanh thực phẩm; xử lý 46 lượt cơ sở vi phạm, phạt tiền 249,8 triệu đồng. Thanh tra các chuyên đề về: Khám sức khỏe tại 02 đơn vị; Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại 03 đơn vị; Quy chế thường trực và cấp cứu tại 07 đơn vị; Quản lý, phân phối và sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trong y tế tại 02 đơn vị; Khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại 03 đơn vị. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác thanh tra của Thủ trưởng; Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Phòng, chống tham nhũng; việc chi trả phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi nghề và thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra tại 03 đơn vị.

- Tiếp nhận và kịp thời xử lý 17 đơn thư theo đúng quy định⁽¹⁾.

- Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc cung cấp số liệu và làm việc với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước về các hoạt động: Thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; Phòng, chống tham nhũng, quản lý đầu tư xây dựng; quản lý và

⁽¹⁾ Giải quyết, trả lời: 01 đơn; Chuyển xử lý: 08 đơn; Lưu đơn do không đủ điều kiện xử lý: 08.

sử dụng ngân sách địa phương năm 2017; Quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế năm 2017 và thực hiện chính sách bảo hiểm tự nguyện. Kết luận của các đoàn Thanh tra và Kiểm toán cho thấy Ngành Y tế đã thực hiện khá tốt các qui định của pháp luật, không có hành vi vi phạm pháp luật.

5. Khen thưởng và kỷ luật

- Thực hiện Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về tổ chức phong trào thi đua yêu nước năm 2018; Sở Y tế đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 08/KH-SYT ngày 23/01/2018 về tổ chức phong trào thi đua yêu nước trong ngành Y tế năm 2018 tiếp tục với chủ đề: “*Đổi mới - Năng động - Sáng tạo - Hiệu quả vì sức khỏe người dân*”; Kế hoạch số 02/KH-SYT ngày 04/01/2018 về tổ chức các hoạt động truyền thông và thi đua, khen thưởng hướng tới kỷ niệm 63 năm Ngày Thầy thuốc Việt Nam (27/02/1955 - 27/2/2018); Kế hoạch số 24/KH-SYT ngày 13/4/2018 về tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6/1948 – 11/6/2018).

- Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của toàn Ngành đã trao tặng trong năm 2018 gồm có: Huân chương Lao động hạng III: 01 tập thể, 01 cá nhân; Chiến sĩ thi đua toàn quốc: 01 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ: 04 cá nhân; Cờ thi đua UBND tỉnh năm 2017: 03 tập thể; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: 06 cá nhân; Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh: 67 tập thể; Bằng khen UBND tỉnh: 14 tập thể, 50 cá nhân. Sở Y tế tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến: 379 đơn vị; Chiến sĩ thi đua cơ sở: 327 cá nhân; Giấy khen: 133 tập thể, 1.177 cá nhân. Ngoài ra, Sở Y tế đã kịp thời biểu dương, khen thưởng 03 tập thể và 27 cá nhân có thành tích đột xuất trong cấp cứu, điều trị, chăm sóc cứu sống người bệnh.

- Ban hành quyết định thi hành kỷ luật 11 viên chức⁽²⁾.

6. Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế

- Kịp thời phổ biến, quán triệt và triển khai các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Y tế trong lĩnh vực bảo hiểm y tế (BHYT) đến các cơ sở khám, chữa bệnh để tổ chức thực hiện.

- Phối hợp Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quyết định giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHYT năm 2018 cho các địa phương; tổ chức thẩm định, công bố danh sách các cơ sở y tế đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT, phân bổ đầu thẻ BHYT cho các cơ sở y tế tại thành phố Quy Nhơn, cấp thẻ BHYT cho bệnh nhân phong và người nhiễm HIV/AIDS, quy định chuyên tuyến khám chữa bệnh, kiểm tra chi phí khám chữa bệnh BHYT tại các bệnh viện. Phối hợp BHXH tỉnh thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh BHYT, đảm bảo quyền lợi cho người bệnh và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm quỹ khám chữa bệnh BHYT.

- Phối hợp với BHXH tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thành công buổi giao lưu trực tuyến với chủ đề “Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế” nhằm tiếp thu, giải đáp các ý kiến phản hồi của người dân, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện,... lồng ghép với phổ biến, tuyên truyền các quy định, chính sách của Nhà nước về công tác khám, chữa bệnh BHYT.

⁽²⁾ Buộc thôi việc: 04, Cảnh cáo: 02, Khiển trách: 05.

7. Quản lý y tế ngoài công lập

Thực hiện thẩm định và cấp mới, cấp lại 119 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, 20 Giấy chứng nhận Thực hành phân phối thuốc, 622 Giấy chứng nhận Thực hành tốt nhà thuốc, 161 Chứng chỉ hành nghề dược, 446 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Ban hành quyết định bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn cho 395 Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; 34 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Lũy kế số cơ sở y tế ngoài công lập được cấp phép hành nghề: 1.453 (*y*: 538, *y học cổ truyền*: 154, *dược*: 761).

II. THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. Phòng, chống dịch bệnh

- Kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và chủ động triển khai các giải pháp phòng chống dịch bệnh, nhất là bệnh sốt xuất huyết. Chỉ đạo Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và TTYT các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền giáo dục và điều tra, giám sát dịch tễ; tăng cường quản lý các đối tượng nghi nhiễm và di biến động dân cư. Chú trọng hoạt động kiểm dịch tại cửa khẩu sân bay, cảng biển; chuẩn bị sẵn sàng thuốc, hóa chất, nhân lực, phương tiện để phòng chống các dịch bệnh, không để lây lan diện rộng.

- Bệnh Sốt xuất huyết trong năm 2018 tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường, ghi nhận có 3.106 cas mắc, giảm 120 so với năm 2017 (3.226 cas); tử vong: 01⁽³⁾. Bệnh Sốt rét ghi nhận 48 cas mắc⁽⁴⁾, tăng 02 so với năm 2017 (36 cas); tử vong: 0. Bệnh Tay - chân - miệng ghi nhận 1.041 cas mắc⁽⁵⁾, tăng 169 so với năm 2017 (872 cas); tử vong: 0. Các bệnh cúm tuýp A (H₁N₁, H₅N₁, H₇N₉), Viêm đường hô hấp cấp do virus Corona (MERS-CoV), bệnh do vi rút Zika không ghi nhận cas mắc. Số mắc các bệnh truyền nhiễm khác dao động không đáng kể so với năm 2017.

2. Tiêm chủng mở rộng

- Triển khai vaccin mới ComBE Five (*phòng 5 bệnh: Bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm phổi/viêm màng não mủ do vi khuẩn Hib*) thay thế vaccin QuinVaxem; chuyển đổi vaccin Sởi - Rubella từ loại nhập khẩu sang loại sản xuất trong nước; triển khai vaccin bại liệt loại tiêm (IPV) theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

- Duy trì tốt công tác truyền thông và quản lý đối tượng trong diện tiêm chủng, đảm bảo chất lượng, an toàn tiêm chủng, không để xảy ra tử vong. Công tác giám sát bệnh thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện thường xuyên, đúng yêu cầu. Năm 2018, có 24.391 trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ vaccin, tỷ lệ 99,5%; 20.353 trẻ sơ sinh được tiêm vaccin viêm gan B mũi 1 trước 24 giờ sau khi sinh, tỷ lệ 83,0%. Số phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván ≥ 2 mũi: 21.687, tỷ lệ 88,3%.

⁽³⁾ Quy Nhơn: 673, Tuy Phước: 534, An Nhơn: 437, Phù Cát: 200, Phù Mỹ: 137, Hoài Nhơn: 635 (*từ* vong: 01), Hoài Ân: 127, Tây Sơn: 298, Vân Canh: 41, Vĩnh Thạnh: 22, An Lão: 02.

⁽⁴⁾ Quy Nhơn: 01, An Nhơn: 02, Phù Cát: 11, Phù Mỹ: 02, Hoài Nhơn: 02, Hoài Ân: 04, Tây Sơn: 05, An Lão: 03, Vân Canh: 09, Vĩnh Thạnh: 09.

⁽⁵⁾ Quy Nhơn: 156, Tuy Phước: 80, An Nhơn: 71, Phù Cát: 137, Phù Mỹ: 92, Hoài Nhơn: 117, Hoài Ân: 24, Tây Sơn: 253, Vân Canh: 86, Vĩnh Thạnh: 25.

3. An toàn thực phẩm

- Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 về kế hoạch triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2018 với chủ đề “Tăng cường trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm”. Phối hợp với các địa phương, các sở, ngành liên quan tổ chức có hiệu quả Tháng hành động và các chiến dịch truyền thông về an toàn thực phẩm.

- Số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống hiện đang quản lý: 6.431 cơ sở (*tỉnh: 592, huyện: 1.686, xã: 4.153*). Lũy kế số cơ sở được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 1.717 (*tỉnh: 571, huyện: 1.146*), đạt tỷ lệ 75,4%. Cấp 06 giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, lũy kế 542 sản phẩm; cấp 02 Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm và tiếp nhận 225 bản tự công bố của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm 6.370 lượt cơ sở, có 5.829 cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tỷ lệ 91,5%; xử lý 542 cơ sở vi phạm⁽⁶⁾.

- Năm 2018, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm với 11 cas mắc, 01 cas tử vong⁽⁷⁾. Ngoài ra, ngày 16/11/2018, có 201 công nhân của Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát (huyện Hoài Nhơn) được phát hiện dị ứng với cá ngừ sau khi dùng bữa trưa tại bếp ăn tập thể⁽⁸⁾.

4. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai và phối hợp các đơn vị, địa phương thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển giai đoạn 2017 - 2020. Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, đề án về: Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2017 – 2020; Nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền, vận động, phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh; Kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển; Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ/SKSS giai đoạn 2015 – 2020. Duy trì tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động kế hoạch hóa gia đình, lồng ghép thực hiện dịch vụ sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

- Số trẻ em mới sinh trên địa bàn tỉnh: 17.300 (giới nữ: 8.150 trẻ), giảm 385 trẻ so với năm 2017; Tỷ số giới tính khi sinh: 112,3 nam/ 100 nữ; Số trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên: 2.301, giảm 218 trẻ so với năm 2017. Tỷ suất sinh giảm 0,1‰ so với năm 2017. Số người thực hiện mới các biện pháp tránh thai: 82.423 lượt⁽⁹⁾.

5. Phòng, chống HIV/AIDS

- Duy trì hiệu quả hoạt động điều trị nhiễm các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tại Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh. Thực hiện tốt các hoạt

⁽⁶⁾ Nhắc nhở 422 cơ sở; phạt 120 cơ sở, số tiền 350 triệu đồng.

⁽⁷⁾ Vụ thứ 1: Tại xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn: mắc: 01, tử vong: 01 (do ăn ốc bùn răng cưa). Vụ thứ 2: Tại làng K4, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh: mắc 07, tử vong: 0 (do ăn nhâm-nấm độc ô tán trắng phiến xanh). Vụ thứ 3: Tại làng Suối Đá, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh: mắc: 03, tử vong: 0 (do ăn nhâm-nấm độc nấm Mũ khía nâu xám).

⁽⁸⁾ Kết quả phân tích các mẫu thức ăn và mẫu chất nôn của Viện Pasteur Nha Trang cho thấy: Hàm lượng histamine trong mẫu kiểm nghiệm là 39,58mg/kg, thấp hơn tiêu chuẩn cho phép (100mg/kg).

⁽⁹⁾ Triệt sản: 313; Đặt dụng cụ tử cung: 10.937; Cây thuốc tránh thai: 185; Tiêm thuốc tránh thai: 10.325; Uống thuốc tránh thai: 26.998; Dùng bao cao su: 33.665.

động hỗ trợ tư vấn, khám, xét nghiệm trước điều trị thuốc kháng vi rút (ARV) cho bệnh nhân HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh thực hiện 369 lượt tư vấn, lấy 4.681 mẫu giám sát HIV; số mẫu máu được sàng lọc HIV: 14.919. Toàn tỉnh phát hiện 49 cas nhiễm HIV mới, tích lũy (từ năm 1993): 817; số chuyển AIDS: 07 cas, tích lũy: 669; số tử vong: 15, tích lũy: 439. Số người nhiễm HIV được quản lý, tư vấn, chăm sóc tại địa phương: 689. Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS được quản lý, chăm sóc và tư vấn đạt 84,6%.

6. Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Cải thiện dinh dưỡng trẻ em

- Phối hợp với chính quyền, đoàn thể các cấp triển khai tốt các đợt chiến dịch truyền thông giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện dinh dưỡng trẻ em. Chất lượng khám và quản lý thai nghén, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh được duy trì. Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động tầm soát, sàng lọc phát hiện ung thư cổ tử cung và ung thư vú ở phụ nữ.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho chương trình sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 đến năm 2020.

- Năm 2018, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 9,7%; giảm 0,7% so với năm 2017 (10,4%); suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 15,1%; giảm 0,9% so với năm 2017 (16,0%).

7. Khám bệnh, chữa bệnh

- Số giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh: 4.640, đạt 30,2 giường/ vạn dân; số giường bệnh kế hoạch thuộc Sở Y tế quản lý: 3.920, đạt 25,5 giường/ vạn dân.

- Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định - phần mở rộng chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2018 đã góp phần giảm tải đáng kể cho BVĐK tỉnh và bước đầu cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cao.

- Tổ chức thẩm định và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật theo nhu cầu của các cơ sở khám chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế; ban hành danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

- Chỉ đạo các cơ sở điều trị thực hiện tốt các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật; kịp thời cập nhật các hướng dẫn chẩn đoán và phác đồ điều trị bệnh do Bộ Y tế ban hành; tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và đảm bảo các điều kiện phục vụ người bệnh.

- Bệnh viện đa khoa tỉnh tiếp tục tiếp nhận các kỹ thuật y tế chuyên sâu từ tuyến trên (Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Ung bướu - Tp. Hồ Chí Minh) theo nội dung Đề án bệnh viện vệ tinh; triển khai tiếp nhận kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm từ Bệnh viện Từ Dũ Tp. Hồ Chí Minh; đồng thời tổ chức đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho một số đơn vị tuyến dưới của tỉnh theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và cải tiến kỹ thuật trong khám, chữa bệnh tại các cơ sở điều trị được khuyến khích, tăng cường. Chất lượng khám chữa bệnh được duy trì và từng bước nâng cao ở tất cả các tuyến.

Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, khám chữa bệnh BHYT được quan tâm và duy trì thực hiện có hiệu quả tại các cơ sở y tế.

- Tổ chức tập huấn và triển khai cài đặt phần mềm hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân cho người dân tại các trạm y tế; tập huấn triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản và quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm theo nguyên lý y học gia đình cho tuyến y tế cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Triển khai thí điểm thành công việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh kết nối liên thông từ các trạm y tế lên TTYT huyện và Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn trên địa bàn của 04 huyện phía bắc tỉnh (Phù Mỹ, Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão).

- Năm 2018, tổng số khám bệnh tại các bệnh viện công lập thuộc tỉnh quản lý đạt hơn 1.950.000 lượt, *tương đương năm 2017*; số bệnh nhân điều trị nội trú ước đạt hơn 271.000 lượt, *tương đương năm 2017*; ngày điều trị trung bình bệnh nhân nội trú: 6,7 ngày; công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch nội trú đạt 136%; tỷ lệ tử vong tại bệnh viện: 0,08%.

8. Y học cổ truyền và phục hồi chức năng

- Tiếp tục triển khai các hoạt động thực hiện Quyết định số 2166/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 16/5/2011 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động phát triển y, dược cổ truyền tỉnh Bình Định đến năm 2020. Công tác khám chữa bệnh y học cổ truyền tại các bệnh viện và trạm y tế tiếp tục được duy trì. Toàn tỉnh có 151 trạm y tế có vườn thuốc nam mẫu (tỷ lệ 95%); 154 trạm y tế khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền (tỷ lệ 96,9%); 8 bệnh viện đa khoa có khoa Y học cổ truyền (tỷ lệ 61,5%), 5 bệnh viện có tổ Y học cổ truyền (tỷ lệ 38,5%). Tỷ lệ khám chữa bệnh Y học cổ truyền tại các tuyến đạt khoảng 12,0%.

- Tổ chức các khóa tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về phục hồi chức năng cho nhân viên y tế tuyến huyện, xã. Tiếp tục thực hiện quản lý sức khỏe và phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng. Khám sàng lọc cho 1.029 người khuyết tật vận động tại 22 xã thuộc 3 huyện Tuy Phước, Tây Sơn và thị xã An Nhơn; cấp dụng cụ trợ giúp cho 457 người khuyết tật; tập huấn, hướng dẫn cho người khuyết tật và người nhà, nhân viên y tế về quản lý, sử dụng dụng cụ trợ giúp; theo dõi việc sử dụng dụng cụ trợ giúp của người khuyết tật.

9. Các chương trình y tế và hoạt động chuyên môn khác

- Số mắc mới bệnh lao: 1.069 cas (*giảm 164 so với năm 2017*); số mắc mới bệnh lao phổi AFB(+): 457 cas (*giảm 148 so với năm 2017*). Số mắc mới bệnh tâm thần phân liệt: 113 cas (*giảm 22 so với năm 2017*). Số mắc mới bệnh phong: 01 cas (*bằng năm 2017*). Tỷ lệ học sinh 8 – 10 tuổi qua khám điều tra phát hiện mắc bệnh bướu cổ chiếm 2,34%. Tổng số phẫu thuật về mắt: 8.600 lượt; phẫu thuật đục thủy tinh thể: 6.471 lượt (*tăng 1.167 so với năm 2017*).

- Thực hiện giám định y khoa cho 1.533 đối tượng⁽¹⁰⁾; cấp 1.386 giấy chứng

⁽¹⁰⁾ Giám định chất độc hóa học: 140, Giám định thương binh: 07, Giám định tai nạn lao động: 116, Giám định khả năng lao động: 129, Giám định khuyết tật theo yêu cầu: 1.108, Giám định khác: 33.

nhận khuyết tật, suy giảm khả năng lao động, tai nạn lao động. Tiếp nhận và giám định 606 hồ sơ pháp y⁽¹¹⁾ theo đúng quy định.

- Khám phát hiện mới 1.678 cas và quản lý 42.569 người mắc bệnh tăng huyết áp tại 19 xã điểm; khám định kỳ, kiểm tra huyết áp, tư vấn hàng tháng cho 2.992 bệnh nhân tăng huyết áp. Khám sàng lọc bệnh đái tháo đường 3.000 đối tượng từ 30 – 69 tuổi ở 30 cụm xã trong tỉnh; phát hiện 194 cas mắc đái tháo đường, tỷ lệ 6,5%; 323 cas mắc tiền đái tháo đường, tỷ lệ 10,8%. Tổ chức 02 đợt điều tra tình hình mắc, tử vong do bệnh ung thư tại thôn Vạn Thái, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ và khu phố 6, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

- Thực hiện đo kiểm môi trường lao động tại 77 đơn vị; phát hiện 367/9.490 mẫu đo không đạt tiêu chuẩn, chiếm tỷ lệ 3,9%. Khám sức khỏe định kỳ 14.134 người tại 157 đơn vị; hướng dẫn 98 đơn vị lập hồ sơ vệ sinh lao động.

- Thường xuyên giám sát ngoại kiểm định kỳ chất lượng nước tại 15 cơ sở cấp nước sinh hoạt tập trung có công suất trên 1.000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 98,3%, tăng 1,7% so với cuối năm 2017; tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 76,8%; tăng 2,9% so với cuối năm 2017.

- Đôn đốc, giám sát các cơ sở y tế thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường; hướng dẫn BVĐK tỉnh, BVĐKKV Bồng Sơn, TTYT Quy Nhơn lập hồ sơ chứng nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường. Triển khai các hoạt động về cấp cứu y tế tham gia diễn tập Ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh năm 2018 do UBND tỉnh tổ chức.

10. Hợp tác quốc tế về y tế

- Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện (do Ngân hàng thế giới tài trợ): Đã hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng các hạng mục: Nhà lưu trữ chất thải, Hệ thống thu gom, Trạm xử lý nước thải tại BVĐK tỉnh, Bệnh viện ĐKKV Phú Phong, TTYT Quy Nhơn. Đang triển khai thủ tục quyết toán và đóng dự án.

- Dự án chăm sóc mắt toàn diện cho trẻ em (do Tổ chức Orbis - Mỹ tài trợ): Tiếp tục hoạt động khám sàng lọc và điều trị cho trẻ đẻ non có tật khúc xạ; đào tạo, tập huấn cho đội ngũ bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên về chuyên ngành mắt.

- Dự án Hỗ trợ Người khuyết tật vận động (do Cơ quan phát triển quốc tế Hoa kỳ tài trợ): Tiếp tục hoạt động khám sàng lọc, cấp dụng cụ trợ giúp người khuyết tật vận động tại các địa bàn thuộc dự án (Tây Sơn, Tuy Phước, An Nhơn); Tổ chức khóa đào tạo 18 bác sỹ về định hướng chuyên khoa phục hồi chức năng.

- Tiếp nhận kinh phí và triển khai các hoạt động đào tạo, mua sắm trang thiết bị thuộc dự án Nâng cao năng lực mạng lưới y tế của tỉnh, sử dụng nguồn vốn Chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU tài trợ năm 2018.

- Triển khai các hoạt động dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ.

- Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4470/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Phát hiện sớm bệnh vông

⁽¹¹⁾ Giám định tử thi: 335, giám định thương tích: 271.

mạc đai tháo đường tại cộng đồng tỉnh Bình Định” do Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc (DFAT), Tổ chức The Fred Hollow Foundation (FHF) tài trợ.

Trong năm có 15 lượt đoàn khách, chuyên gia nước ngoài (79 người) từ các nước, các tổ chức quốc tế đến làm việc tại tỉnh về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực y tế. Sở Y tế triển khai các thủ tục cử công chức, viên chức y tế đi công tác, tham quan và học tập ở nước ngoài theo đúng quy định hiện hành.

III. NHÂN LỰC Y TẾ VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nhân lực y tế

- Tổng số nhân lực y tế thuộc Sở Y tế quản lý: 5.245 người, đạt 34,1/ vạn dân; số bác sĩ: 942, đạt 6,1/ vạn dân; số dược sĩ đại học: 87, đạt 0,6/ vạn dân. Số trạm y tế có bác sĩ công tác: 159/159, đạt 100% (143 trạm có bác sĩ tại chỗ).

- Ban hành các quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng và tương đương các đơn vị thuộc Sở Y tế; tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó khoa, phòng, điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật viên trưởng và trưởng, phó trạm y tế các đơn vị thuộc Sở Y tế.

- Thực hiện nghiêm túc Chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ đại học giai đoạn 2016 – 2021 ⁽¹²⁾, ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh.

- Tuyển dụng đặc cách không qua sát hạch 62 bác sĩ, 02 dược sĩ đại học. Tổ chức sát hạch đề xét tuyển và ra quyết định tuyển dụng mới 314 viên chức y tế (xét tuyển đặc cách: 65, xét tuyển thông thường: 205, xét tuyển bổ sung: 34) theo Kế hoạch tuyển dụng viên chức y tế các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2016 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cử 222 công chức, viên chức đi đào tạo định hướng chuyên khoa, cao đẳng, đại học và sau đại học các chuyên ngành ⁽¹³⁾. Tổ chức nhiều lớp tập huấn, đào tạo liên tục ở tỉnh và tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý cho công chức, viên chức, nhân viên y tế các tuyến.

- Thực hiện các thủ tục giải quyết nghỉ hưu theo chế độ cho 87 công chức, viên chức ⁽¹⁴⁾ và 30 công chức, viên chức nghỉ thôi việc theo nguyện vọng ⁽¹⁵⁾.

2. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật

- Tiếp tục phát động triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học trong toàn Ngành; duy trì hiệu quả các nghiên cứu ứng dụng đã thực hiện thành công và phát triển thêm một số kỹ thuật chuyên sâu vào công tác chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Thực hiện 03 đề tài NCKH cấp tỉnh, 14 đề tài NCKH cấp Ngành (có 04 đề tài chuyển tiếp từ năm 2017); có 74 giải pháp của 137 tác giả, đồng tác giả được Hội đồng sáng kiến Sở Y tế công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

⁽¹²⁾ Lũy kế số bác sĩ, dược sĩ hưởng chính sách thu hút: 42 người; kinh phí tỉnh đã chi trả: 5,1 tỷ đồng. Lũy kế số bác sĩ, dược sĩ hưởng chính sách ưu đãi: 1.038 người; kinh phí tỉnh đã chi trả: 33 tỷ đồng.

⁽¹³⁾ Bác sĩ chuyên khoa cấp II: 35; Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 27; Thạc sĩ: 06; Cử nhân y: 11; Bác sĩ liên thông: 03; Định hướng chuyên khoa: 16; Cao đẳng y: 124.

⁽¹⁴⁾ Đúng tuổi: 76, Trước tuổi do suy giảm khả năng lao động: 02, theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP: 09.

⁽¹⁵⁾ Bác sĩ: 13, Điều dưỡng: 06, Kỹ thuật viên y: 03, các đối tượng khác: 08.

IV. QUẢN LÝ DƯỢC, XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ TRANG THIẾT BỊ

1. Quản lý dược và trang thiết bị y tế

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược và mỹ phẩm. Chỉ đạo các cơ sở y tế ưu tiên sử dụng thuốc generic, thuốc sản xuất trong nước, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả; tăng cường theo dõi và kịp thời báo cáo về phản ứng có hại, tác dụng phụ của thuốc trong quá trình sử dụng. Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở điều trị và cơ sở bán lẻ.

- Tổ chức đấu thầu 04 gói thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế trong tỉnh từ Quý II/ 2018 đến hết Quý I/2020 theo đúng quy định hiện hành. Tổng giá trị trúng thầu/tổng giá trị kế hoạch (2.078 mặt hàng của 04 gói thầu): 1.151,2 tỷ đồng/ 1.243,3 tỷ đồng; tỷ lệ tiết kiệm chung đạt 7,5%. Nhằm đảm bảo đủ thuốc cho các cơ sở y tế trong tỉnh, Sở Y tế tiếp tục tổ chức đấu thầu 03 gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương đã được phê duyệt năm 2018 (đấu thầu lại) với tổng giá trị mời thầu 168,1 tỷ đồng. Kết quả: Tổng giá trị trúng thầu/tổng giá trị kế hoạch (210 mặt hàng của 03 gói thầu): 98,6 tỷ đồng/ 108,1 tỷ đồng; tỷ lệ tiết kiệm chung đạt 8,8%. Đối với một số loại thuốc phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của các cơ sở y tế hoặc chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu tập trung cấp địa phương, Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở y tế chủ động lập kế hoạch và tổ chức đấu thầu để kịp thời cung ứng, không để bệnh nhân thiếu thuốc.

- Tham mưu UBND tỉnh xem xét và đã phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2018 - 2020 tại tỉnh Bình Định theo Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Bộ Y tế. Một số nội dung đã triển khai thực hiện theo Kế hoạch trong năm 2018:

+ Thành lập Tổ triển khai thực hiện Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2018 - 2020 tại tỉnh Bình Định;

+ Thành lập Tổ Điều hành triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối liên thông các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ Ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối liên thông các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Viettel Bình Định, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn và cài đặt phần mềm cho tất cả các cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh; đến nay có 156 nhà thuốc cài đặt phần mềm do Viettel cung cấp.

- Tiếp tục chỉ đạo Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm và mỹ phẩm tăng cường quản lý chất lượng thuốc; duy trì Phòng kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Hướng dẫn các cơ sở điều trị kiện toàn hệ thống bảo quản thuốc theo nguyên tắc “Thực hành tốt bảo quản thuốc - GSP”

- Chỉ đạo, hướng dẫn và thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để các đơn vị thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế từ nguồn ngân sách nhà nước, kinh phí hỗ trợ từ các dự án theo đúng quy định hiện hành. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý trang thiết bị y tế tại các đơn vị trực thuộc.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về quản lý trang thiết bị y tế theo Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Đến nay, đã tiếp nhận và xử lý 03 hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế B, C và D; 11 hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A.

2. Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị

Trên cơ sở kế hoạch vốn năm 2018 đã giao cho Ngành⁽¹⁶⁾, Sở Y tế đã triển khai thực hiện các hạng mục công trình như sau:

- Hoàn thành việc xây dựng mới Khoa Truyền nhiễm thuộc TTYT huyện Phù Mỹ, Khoa Hồi sức cấp cứu thuộc TTYT huyện Vĩnh Thạnh; Nhà thu gom rác, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tại các đơn vị BVĐK tỉnh, BVĐKKV Phú Phong, TTYT Quy Nhơn.

- Đang triển khai xây dựng các hạng mục: Hành lang cầu, gara ô tô, nhà rác, đài nước 40m³, sân vườn (giai đoạn 2) thuộc Bệnh viện Y học cổ truyền; Nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ thuộc công trình Mở rộng TTYT huyện Hoài Nhơn; Đơn nguyên 1, đơn nguyên 2 và các hạng mục phụ trợ thuộc Phòng khám ĐKKV Cát Minh; Sân vườn, đường nội bộ của TTYT thị xã An Nhơn; Nhà làm việc khối y tế dự phòng - TTYT huyện Tây Sơn.

- Hoàn thành công tác đấu thầu tập trung mua sắm, lắp đặt trang thiết bị cho các cơ sở y tế từ nguồn kinh phí sự nghiệp y tế và dân số năm 2018.

Tiến hành các thủ tục thanh, quyết toán các hạng mục, công trình ngay sau khi hoàn thành đầu tư mua sắm và bàn giao tài sản cho các đơn vị thụ hưởng.

V. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH Y TẾ

- Sở Y tế kịp thời phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản, chính sách về quản lý tài chính trong toàn Ngành. Thực hiện công khai dự toán, phân bổ kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị; xét duyệt quyết toán và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước nghiêm túc, đúng quy định.

- Hướng dẫn, giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo Thông tư số 15/2018/TT-BYT của Bộ Y tế; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh. Triển khai các thủ tục để tổ chức thực hiện việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mới được ban hành (*Thông tư số 37/2018/TT-BYT của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế; Thông tư số 39/2018/TT-BYT của Bộ Y tế quy định thống nhất về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế*).

- Thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu mua sắm, sửa chữa tài sản công, trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt để thực hiện theo đúng quy định. Phối

⁽¹⁶⁾ Tổng kinh phí 48,99 tỷ đồng; gồm: Vốn xố số kiến thiết: 3,789 tỷ đồng, Vốn cấp quyền sử dụng đất: 0,196 tỷ đồng, Vốn ODA: 25,0 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp y tế và dân số: 16,081 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp y tế được kéo dài: 3,267 tỷ đồng; Vốn xố số kiến thiết được kéo dài: 0,657 tỷ đồng.

hợp chặt chẽ với liên ngành để xác định hiện trạng tài sản công trước khi sửa chữa, điều chuyển, thanh lý.

- Tổ chức tốt công tác quản lý công sản trong toàn Ngành. Thường xuyên tổng hợp các nguồn viện trợ đưa vào cân đối nguồn lực chung của Ngành; đi đôi với tăng cường quản lý và sử dụng viện trợ y tế theo quy định.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi ngân sách nhà nước; chỉ bố trí chi thực hiện các nhiệm vụ thực sự cần thiết, cấp bách; thực hiện lồng ghép hoạt động của các chương trình, dự án; cắt giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, công tác nước ngoài, lễ hội, kỷ niệm, khởi công, khánh thành, mua xe công.

- Bảo đảm đủ kinh phí cho các cơ sở y tế thực hiện chi hỗ trợ một số chế độ thực thanh thực chi trong khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, người lang thang, cơ nhỡ, gặp khó khăn đột xuất...; mua, hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người nghèo, người thuộc diện chính sách và bảo trợ xã hội.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2019 - 2021. Chỉ đạo và phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn Bệnh viện Mắt xây dựng phương án thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị về bảo đảm kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2019 - 2021.

VI. THÔNG TIN VÀ THÔNG KÊ Y TẾ

- Kịp thời phổ biến, hướng dẫn trong toàn Ngành triển khai thực hiện các văn bản của Chính phủ, Bộ Y tế, liên Bộ và các bộ ngành có liên quan đến lĩnh vực y tế. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về quyền lợi, nghĩa vụ của người dân khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế, chính sách bảo hiểm y tế,...; tham dự đầy đủ các hội nghị giao ban trực tuyến do Chính phủ, Bộ Y tế chủ trì về việc đánh giá tình hình hoạt động và triển khai các nhiệm vụ, nội dung có liên quan đến Ngành Y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị y tế về nghiệp vụ thống kê, báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin, số liệu; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo số liệu, thông tin y tế định kỳ và đột xuất theo yêu cầu quản lý.

B. TÓM TẮT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

T	Các chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kết quả thực hiện so với kế hoạch
	<i>Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội</i>			
1	Số giường bệnh kế hoạch / vạn dân (<i>gồm các cơ sở Trung ương, không tính giường trạm y tế</i>)	30,0	30,2	Đạt
	<i>Trong đó: GBKH thuộc tỉnh quản lý / vạn dân</i>	25,5	25,5	
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	88,5	88,7	Đạt
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc (%)	100	100	Đạt
4	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế (%)	97,5	98,1	Đạt
5	Mức giảm tỷ suất sinh (‰)	0,1	0,1	Đạt
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (%)	≤ 10,0	9,7	Đạt

	<i>Các chỉ tiêu cơ bản của Ngành Y tế</i>			
7	Tỷ lệ thôn, làng, khu dân cư có NVYT (%)	100	100	Đạt
8	Tỷ suất tử vong mẹ (100.000 trẻ đẻ sống)	15,0	21,5	Không đạt
9	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi (/1000 trẻ đẻ sống)	3,3	3,3	Đạt
10	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi (/1000 trẻ đẻ sống)	4,5	4,5	Đạt
11	Tỷ lệ trẻ < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98,0	99,5	Đạt
12	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai (%)	98,0	99,0	Đạt
13	Ngày điều trị nội trú trung bình / bệnh nhân	$\leq 7,0$	6,7	Đạt
14	Tỷ lệ trạm y tế khám chữa bệnh YHCT (%)	96,0	98,1	Đạt
15	Số mắc bệnh sốt rét (/100.000 dân)	$\leq 12,0$	3,1	Đạt
16	Số mắc bệnh sốt xuất huyết (/100.000 dân)	$\leq 100,0$	202,0	Không đạt
17	Tỷ lệ bệnh phong lưu hành (/100.000 dân)	$\leq 0,5$	0,1	Đạt
18	Số mắc lao phổi AFB(+) mới (/100.000 dân)	$\leq 45,0$	29,8	Đạt
19	Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng (‰) (188ng)	$\leq 0,3$	0,13	Đạt
20	Tỷ lệ cơ sở SXKD, dịch vụ thực phẩm qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (%)	85,0	91,5	Đạt

Phần 2

KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

1. Các bệnh truyền nhiễm gây dịch, nhất là sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm mới nổi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; các bệnh không lây nhiễm như ung thư, đái đường, tim mạch, tăng huyết áp,... gia tăng; ngộ độc thực phẩm tiềm ẩn nguy cơ cao và khó lường,... làm cho việc đáp ứng của Ngành Y tế đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng khó khăn hơn.

2. Nhiều cơ sở y tế còn thiếu bác sĩ và nhân lực có trình độ cao, nhất là ở lĩnh vực dự phòng, tuyến huyện và các bệnh viện chuyên khoa, gây ảnh hưởng đến việc triển khai các kỹ thuật chuyên môn và cung ứng dịch vụ y tế của đơn vị.

3. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị y tế tại một số cơ sở y tế bị xuống cấp, lạc hậu; các bệnh viện thường xuyên quá tải nên chưa đáp ứng được yêu cầu về nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân và phát triển các dịch vụ y tế.

4. Từng nơi, từng lúc vẫn còn một số ít viên chức, nhân viên y tế thực hiện quy tắc giao tiếp, ứng xử và tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh chưa tốt.

5. Việc thanh quyết toán kinh phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế còn gặp khó khăn về hồ sơ thủ tục và chưa kịp thời, ảnh hưởng đến nguồn thu của các cơ sở y tế để tự chi trả lương cho viên chức, người lao động.

6. Quy định pháp luật về BHYT, đấu thầu thuốc còn một số điểm bất cập, đặc biệt là sự mâu thuẫn giữa khả năng cân đối quỹ BHYT và quyền lợi của người tham gia BHYT; Bộ Y tế chưa công bố giá tối đa cho từng mặt hàng thuốc; Cục Quản lý Dược cập nhật chưa kịp thời, chưa đầy đủ giá thuốc trúng thầu của 63 tỉnh, thành phố; bệnh viện tuyến trung ương;...

Phần 3

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2019

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn về tổ chức mạng lưới và nhân lực. Củng cố và nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống các loại dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra, hạn chế tử vong ở mức thấp nhất. Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đi đôi với đổi mới phong cách và thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư y tế,... phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng. Đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và triển khai các hoạt động khác nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và hoàn thành các chỉ tiêu y tế - dân số của năm 2019.

2. Các chỉ tiêu cơ bản

a) Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh / vạn dân	Giường	> 30,5
	<i>Trong đó: GBKH thuộc tỉnh quản lý / vạn dân</i>	<i>Giường</i>	<i>> 25,5</i>
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	> 90,0
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc	%	100
4	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế	%	≥ 99,0
5	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	≥ 0,1
6	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	≤ 9,3

b) Các chỉ tiêu cơ bản của Ngành Y tế

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ thôn, làng, khu dân cư có nhân viên y tế	%	100
2	Tỷ suất tử vong mẹ (tính trên số trẻ đẻ sống)	/100.000	≤ 20,0
3	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi (tính trên số trẻ đẻ sống)	/1.000	≤ 3,3
4	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi (tính trên số trẻ đẻ sống)	/1.000	≤ 4,5
5	Tỷ lệ trẻ < 1 tuổi tiêm chủng vaccin đầy đủ	%	≥ 98,0
6	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 3 lần trong 3 kỳ thai	%	≥ 98,0
7	Ngày điều trị nội trú trung bình / bệnh nhân	Ngày	≤ 7,0
8	Tỷ lệ trạm y tế khám chữa bệnh YHCT	%	≥ 96,0
9	Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét (tính trên dân số)	/100.000	≤ 12,0
10	Tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết (tính trên dân số)	/100.000	≤ 150,0
11	Tỷ lệ bệnh phong lưu hành (tính trên dân số)	/100.000	≤ 0,5
12	Số mắc lao phổi AFB(+) mới (tính trên dân số)	/100.000	≤ 40,0
13	Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng	‰	≤ 0,3

14	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực phẩm qua kiểm tra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm	%	≥ 87,0
15	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	≥ 99,0

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cung ứng dịch vụ y tế

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - y tế giai đoạn 2016 - 2020. Chủ động phòng chống, kịp thời triển khai các giải pháp để kiểm chế dịch bệnh, không để lây lan diện rộng và hạn chế thấp nhất số tử vong. Từng bước triển khai các hoạt động nhằm kiểm soát có hiệu quả các yếu tố nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đặc biệt là các bệnh không lây nhiễm.

- Duy trì hiệu quả công tác tiêm chủng mở rộng. Cung cấp đầy đủ, có chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, hạn chế tai biến sản khoa và giảm tử vong bà mẹ, trẻ em. Tăng cường phối hợp liên ngành thực hiện các can thiệp về vệ sinh, dinh dưỡng nhằm giảm bền vững tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm.

- Triển khai lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người dân theo lộ trình. Tiếp tục mở rộng việc quản lý các bệnh mạn tính tại tuyến y tế cơ sở. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên tại cộng đồng.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn mạng lưới khám, chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò chủ đạo của các bệnh viện công lập trong việc cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Thực hiện tốt các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật; kịp thời cập nhật và triển khai các hướng dẫn chẩn đoán, phác đồ điều trị do Bộ Y tế ban hành. Tăng cường triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đảm bảo các điều kiện phục vụ người bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh nhân; đi đôi với đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao ý thức của viên chức, nhân viên y tế và xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh.

- Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Tăng cường tiếp nhận các kỹ thuật từ tuyến trên và đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới bằng nhiều hình thức.

- Đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở. Tăng cường triển khai các hoạt động tại trạm y tế để thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Thông tư số 33/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Tăng cường việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng sáng kiến cải tiến vào chẩn đoán và điều trị bệnh. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo lại để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế các tuyến. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh đáp ứng các yêu cầu quản lý khám chữa bệnh, báo cáo và thanh quyết toán bảo hiểm y tế.

- Thực hiện tốt công tác khám tuyến nghĩa vụ quân sự, hạn chế tối đa các trường hợp bị loại, trả vì không đảm bảo sức khỏe. Tăng cường kết hợp quân y và dân y trong củng cố y tế cơ sở, khám chữa bệnh chính sách cho đồng bào dân tộc vùng khó khăn, khu vực trọng điểm về quốc phòng an ninh và bảo đảm y tế trong các tình huống khẩn cấp. Tiếp tục triển khai các hoạt động theo kế hoạch của tỉnh và Bộ Y tế thuộc Đề án phát triển y tế biển đảo Việt Nam đến năm 2020.

- Thực hiện tốt các hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, xử lý chất thải y tế, bảo vệ môi trường trong ngành Y tế theo quy định hiện hành.

- Tạo điều kiện, đi đôi với nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với y tế ngoài công lập. Tăng cường phối hợp y tế công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế, chuyển giao kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập.

2. Về phát triển nhân lực y tế

- Tăng cường công tác quản lý và phát triển nhân lực y tế; đảm bảo phân bổ, sử dụng nhân lực y tế tại các đơn vị trực thuộc đúng quy định và đạt hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý. Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và hiệu quả công tác sát hạch, tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện tốt chính sách của tỉnh về việc thu hút và ưu đãi đối với bác sỹ, dược sỹ đại học giai đoạn 2016 - 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; đi đôi với thường xuyên đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn và tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế.

3. Về đầu tư cơ sở hạ tầng, quản lý dược và trang thiết bị y tế

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh, các bệnh viện chuyên khoa, Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố. Tăng cường quản lý, sử dụng trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ. Thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo hiệu quả, chất lượng các công trình về xây dựng cơ bản.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế cơ bản cho các trạm y tế nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu và đảm bảo tiến độ thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020.

- Thực hiện tốt công tác đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vật tư, hóa chất,... phục vụ cho khám chữa bệnh, phòng chống dịch và dự phòng.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2018 - 2020 tại tỉnh Bình Định và Kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết nối liên thông cơ sở cung ứng thuốc trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Đẩy mạnh công tác dược lâm sàng, chống kháng thuốc. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng và giá thuốc chữa bệnh lưu thông trên địa bàn tỉnh. Tăng cường giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở điều trị và cơ sở bán lẻ.

4. Về thông tin y tế

- Tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện Quyết định số 3040/QĐ-BYT ngày 14/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống thông tin y tế giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Thông tư số 27/2014/TT-BYT và Thông tư số 29/2014/TT-BYT của Bộ Y tế quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã và các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

- Từng bước nâng cao năng lực thu thập, xử lý và tổng hợp số liệu; cải thiện chất lượng quản lý, chuyển tải thông tin. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo số liệu, thông tin y tế định kỳ và đột xuất.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thống kê y tế điện tử theo Quyết định số 5454/QĐ-BYT ngày 10/9/2018 của Bộ Y tế.

5. Về quản lý tài chính y tế

- Kịp thời phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản, chính sách về quản lý tài chính trong toàn Ngành. Thực hiện công khai dự toán, phân bổ kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực, từng tuyến, từng đơn vị; xét duyệt quyết toán và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước nghiêm túc, đúng quy định.

- Triển khai thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc Sở Y tế giai đoạn 2019 – 2021 theo lộ trình. Thực hiện nghiêm túc các quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; chi hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo, người cơ nhỡ, khó khăn đột xuất....

- Tranh thủ huy động các nguồn lực xã hội, các dự án ODA, NGO để đầu tư cho y tế. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính và thanh toán BHYT cho y tế cơ sở; bổ sung danh mục thuốc, dịch vụ được BHYT thanh toán tại trạm y tế.

- Thực hiện quản lý và sử dụng ngân sách, tài sản công, các chế độ định mức, tiêu chuẩn đúng theo quy định; đi đôi với tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đúng quy định, đảm bảo hiệu quả.

- Tổ chức giám sát, hướng dẫn việc thu giá dịch vụ y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh đúng quy định. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh toán giá dịch vụ khám chữa bệnh và các dịch vụ y tế khác.

6. Tổ chức và quản lý nhà nước về y tế

- Quán triệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kế hoạch, nhiệm vụ công tác được giao của toàn Ngành, trên từng lĩnh vực hoạt động.

- Xây dựng Chương trình hành động và tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ công tác của Ngành Y tế theo chức năng, quyền hạn được giao, nhằm phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ theo các Nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; về công tác dân số trong tình hình mới; về xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh; về thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các cấp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về y tế - dân số - sức khỏe và chính sách bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và các chỉ tiêu y tế của chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; phát huy trách nhiệm và vai trò người đứng đầu. Kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo về lĩnh vực y tế phù hợp với tình hình mới; chú trọng công tác phổ biến và giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về y tế.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và nhân lực của Ngành Y tế theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 15/3/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

- Thực hiện tốt dân chủ trong hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính trong cung ứng dịch vụ hành chính công và khám chữa bệnh; cải tiến các quy trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ nhằm giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân.

- Tăng cường công tác truyền thông; phối hợp triển khai lồng ghép có hiệu quả truyền thông y tế và giáo dục sức khỏe vào các hoạt động xã hội khác tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân về các lĩnh vực: vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh và tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bản thân...

- Chú trọng công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật; đẩy mạnh phong trào thi đua lao-động giỏi, lao động sáng tạo trong toàn Ngành; kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, các đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện đúng các quy định pháp luật. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt hoạt động tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo. /.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (báo cáo)
- UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ngành liên quan;
- Các phòng, Thanh tra Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Quang Hùng